

Bản án số: 282/2025/HS-ST
Ngày: 29/9/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi
2. Ông Nguyễn Văn Đên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Việt Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/2025/HSST, ngày 16 tháng 9 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2025/QĐXXST-HS ngày 16/9/2025 đối với các bị cáo:

1/Họ và tên: Lê Thanh Đ, sinh ngày 04 tháng 04 năm 1983, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2A, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: ấp 1, xã B huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn Q (đã mất) và bà Nguyễn Thị C; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 09 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kiều M (sinh năm 1985), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Năm 2014, bị TAND TP. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù giam về tội “Tổ chức đánh bạc” theo bản án số 622/HSPT ngày 29/8/2014, tháng 09/2015, chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam Thủ Đức;

- Năm 2017, bị TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm 6 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 02/HSST ngày 05/01/2017, tháng 09/2019, chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam An Phước;

- Năm 2021, bị TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 3 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 126/HSST ngày 31/5/2021. Tháng 5/2022, chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam An Phước;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay.

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh S, sinh ngày 18 tháng 07 năm 1996, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã T, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: Khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 03 người kể cả bị cáo, bị cáo có vợ tên Dương Thị Cẩm T và 02 con sinh năm 2022, 2024;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2016, bị TAND huyện Củ Chi xử phạt 7 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 236/HSST ngày 26/9/2016. Ngày 30/08/2020, chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam Thủ Đức;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 20/12/2024 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Võ Thành K, sinh ngày 20 tháng 06 năm 1988, tại: thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 9, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: Ấp 9, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 09 người kể cả bị cáo, bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Năm 2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 9 năm 6 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 191/HSST ngày 05/9/2017. Tháng 01/2023, chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam Thủ Đức (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: - Năm 2004, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù giam về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 62/HSST ngày 08/01/2004, tháng 04/2005, chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam Tổng Lê Chân;

- Năm 2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 4 năm 6 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 13/HSST ngày 16/01/2009;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 20/12/2024 đến nay đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lê Phong V, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1981, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 283A, đường H, ấp 16, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: Số 283A, đường H, ấp 16, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Thanh P và bà Trần Thị Mỹ N, (sinh năm 1962); Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Trần Ngọc H (sinh năm 1983) và có 02 con, sinh năm 2002, 2008;

Tiền án: Năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 7 năm 6 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 47/HSST ngày 09/2/2018, tháng 01/2022, chấp hành xong án phạt tù tại

Trại Giam Thủ Đức (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Năm 2024, bị đưa đi cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện Bồ Lá theo Quyết định số 100/QĐ-TA ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 3/2024, chấp hành xong thời gian cai nghiện;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 20/12/2024 đến nay đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984, tại: Tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện H (nay là xã L), tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: ấp 9, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 04 người kể cả bị cáo, bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị P (sinh năm 1989), có 02 con sinh năm 2013, 2022;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Quang M, sinh ngày 12 tháng 06 năm 1993, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 6, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: ấp 6, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 05 người kể cả bị cáo, bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Lê Đức N, sinh ngày 16 tháng 07 năm 1988, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã T, huyện C, (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: ấp 15, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Tuyết L; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 04 người kể cả bị cáo, bị cáo có vợ tên Lâm Thùy D (sinh năm 1992) và 01 con sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Lê Minh T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1988, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: ấp 3, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Tấn V và bà Nguyễn Thị Thu T; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 04 người kể cả bị cáo, bị cáo

có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011;

Tiền án: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù giam về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 245/HSST ngày 30/6/2016. Tháng 10/2021, chấp hành xong án phạt tù tại trại giam Xuân Lộc (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 920/HSST ngày 21/6/2005 (đã chấp hành xong);

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 27/8/2024 đến nay đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1998, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nơi thường trú: Ấp C, xã T, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: ấp 4C, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thiện H và bà Lê Thị Thu X; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột không có, bị cáo có chồng tên Nguyễn Tấn T (sinh năm 1997), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tạm giữ từ ngày 27/8/2024 đến 05/9/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp 04, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Lê Hoài T, sinh năm 2003; Địa chỉ: Ấp 6, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

2/ Anh Phạm Hoài V, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp 6, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

3/ Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1983; Ấp 13, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

4/ Anh Lý Quốc P, sinh năm 1994; Ấp 17, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

5/ Anh Phan Thành L, sinh năm 2003; Ấp 1B, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

6/ Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1999; Ấp 11, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

7/ Anh Hồ Thanh D, sinh năm 1997; Ấp 01, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

8/ Anh Mai Chí C, sinh năm 2005; Ấp 1B, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

9/ Anh Nguyễn Thanh G, sinh năm 2000; Ấp 17, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

10/ Anh Bùi Hữu T, sinh năm 2003; Ấp 10, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

11/ Anh Bùi Thanh V, sinh năm 2002; Ấp 09, xã T, huyện C (nay là P), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

12/ Anh Lê Tấn T, sinh năm 1999; Ấp 11, xã T, huyện C (nay là P), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh Đ không có việc làm ổn định, bản thân lại sử dụng chất ma túy. Để có tiền tiêu xài và có chất ma túy sử dụng, bị cáo Lê Thanh Đ đã rủ bị cáo Lê Minh T là bạn bè quen biết ngoài xã hội cùng tham gia mua bán trái phép chất ma túy; chất ma túy là do bị cáo Đ mua về phân thành nhiều gói nhỏ rồi giao cho bị cáo T cất giữ mang đi bán cho người mua; bán được chất ma túy, bị cáo Đ sẽ trả công bằng tiền thì bị cáo T đồng ý. Khoảng giữa tháng 8/2024, thông qua bạn bè quen biết ngoài xã hội giới thiệu, bị cáo Đ tìm đến gặp một người thanh niên tên Quang Đ1 (không rõ lai lịch) tại khu vực cầu Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mua 3.000.000 đồng ma túy loại Methamphetamine và Heroin mang về phân ra thành nhiều gói nhỏ. Bị cáo Đ giao cho bị cáo T giữ một phần ma túy để bán, khi có người cần mua ma túy sẽ liên lạc với bị cáo Đ qua số điện thoại 0971.660.849 và 0942.67.8378 để thỏa thuận và hẹn địa điểm giao dịch. Sau khi thỏa thuận xong, bị cáo Đ thông báo cho bị cáo T biết để mang ma túy đi bán, người mua có khi đưa tiền trực tiếp cho bị cáo T hoặc chuyển khoản cho bị cáo Đ qua số tài khoản Momo 0971660849. Ngày 27/8/2024, bị cáo T mang ma túy đi bán thì bị lực lượng Công an huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang.

Sau khi bị cáo T bị bắt, bị cáo Đ liền mang theo toàn bộ số ma túy còn lại bỏ trốn. Đến tháng 12/2024, bị cáo Đ tiếp tục bán hết số ma túy còn lại cho Võ Thành K để có tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

- Ngày 18/12/2024, bị cáo Đ bán cho bị cáo K 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng.

- Ngày 19/12/2024, bị cáo Đ bán cho bị cáo K 02 gói ma túy với giá 2.500.000 đồng.

Đến ngày 08/01/2025, bị cáo Đ đã liên lạc gặp tên Đ1 mua 6.000.000 đồng ma túy đá tại khu vực đường Võ Văn Bích thuộc ấp 15, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (nay là xã Bình Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bị cáo Đ mang về nhà phân ma túy ra thành 07 gói. Ngày 10/01/2025, bị cáo Đ bán 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Quang M và bị cáo Nguyễn Thanh B. Riêng 06 gói ma túy còn lại bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện thu giữ lúc 13 giờ 30 phút ngày 10/01/2025.

Đối với bị cáo Lê Minh T, sau khi bị cáo Lê Thanh Đ thỏa thuận xong với người mua ma túy, bị cáo Đ sẽ thông báo cho bị cáo T đi giao ma túy. Bị cáo T đã bán ma túy cho nhiều người không rõ lai lịch. Bị cáo T đã bán ma túy cho Nguyễn Thị Xuân N được 02 lần. Cụ thể:

Lần 01: Vào ngày 10/8/2024, được bạn bè quen biết ngoài xã hội (không rõ lai lịch) giới thiệu khu vực đồng ruộng thuộc ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hòa Đông), Thành phố Hồ Chí Minh có người bán ma túy nên Nguyễn Thị Xuân N tìm đến mua, khi đến nơi bị cáo N gặp bị cáo T và hỏi mua ma túy với giá 200.000 đồng mang về sử dụng một mình ngoài đồng ruộng thuộc ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hòa Đông), Thành phố Hồ Chí Minh cho đến hết, sau đó bị cáo N vứt bỏ bộ dụng cụ rồi đi về.

Lần 2: Ngày 27/8/2024, bị cáo Lê Thanh Đ sử dụng tài khoản Zalo tên “DUC E Luon” liên lạc đến tài khoản Zalo tên “Le Minh Tan” kêu bị cáo Tân mang 01 tép heroin giá 200.000 đồng và 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng đến khu vực đồng ruộng gần cầu Đen 2 thuộc ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hòa Đông), Thành phố Hồ Chí Minh bán cho người mua, bị cáo Đ đã nhận tiền của người mua rồi. Bị cáo T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 61G1-653.17 đến điểm hẹn. Đến nơi, bị cáo T lấy 01 tép heroin và 01 gói ma túy đá giấu trên lên nhánh cây tràm gần chân cầu và đứng đợi. Khoảng 10 phút sau, bị cáo Nguyễn Thị Xuân N điều khiển xe mô tô 53S6-4637 đến, bị cáo T chỉ cho N chỗ giấu ma túy rồi điều khiển xe về nhà, khi về đến đường Võ Văn Bích thuộc ấp 14, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (nay là xã Bình Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang vào lúc 12 giờ 10 phút.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Xuân N: Khoảng 11 giờ ngày 27/8/2024, một người bạn ngoài xã hội tên T1 (không rõ lai lịch) liên lạc với N qua facebook (không nhớ rõ nickname) nhờ bị cáo N đi mua ma túy với giá 200.000 đồng ma túy heroin và 300.000 đồng ma túy đá, tên T1 nói đã chuyển khoản tiền rồi, kêu bị cáo N chỉ việc đến khu vực đồng ruộng ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hòa Đông), Thành phố Hồ Chí Minh lấy ma túy đưa cho tên T1, T1 sẽ trả công cho bị cáo N 200.000đ và N đồng ý. Sau đó bị cáo N điều khiển xe gắn máy Wave biển số 53S6 - 4637 đi một mình từ nhà đến khu vực đồng ruộng Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hòa Đông), Thành phố Hồ Chí Minh để lấy ma túy. Khi đến địa điểm tên T1 chỉ, bị cáo N gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) chạy xe gắn máy Sirius (không rõ biển số) đứng đợi sẵn, ma túy cất giấu sẵn trên cây gần đó, hướng dẫn N lại lấy 01 gói nylon chứa ma túy đá; 01 đoạn ống nhựa chứa ma túy heroin. Lấy ma túy xong bị cáo N1 cất giấu phía dưới ống quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe về nhà để liên lạc với T1.

Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày 27/8/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma Túy Công an huyện Củ Chi phối hợp cùng với Công an xã Tân Thạnh Đông tuần tra trên địa bàn xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến đường số 107 đoạn thuộc ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hòa Đông), Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bị cáo Nguyễn Thị Xuân N điều khiển xe gắn máy biển số 53S6 - 4637 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện N cất giấu 01 (một) gói nylon chứa tinh thể và 01 (một) đoạn ống nhựa chứa chất bột bên dưới ống quần bên chân phải là ma túy đá và heroin. Công an tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với N vào lúc 12 giờ 10 phút.

Đối với Võ Thành K: Do có mối quan hệ bạn bè quen biết xã hội với bị cáo Lê Thanh Đ. Ngày 18/12/2024, bị cáo K liên lạc mua của bị cáo Đ 1.500.000 đồng ma túy đá. Sau đó K chiết một ít ma túy ra sử dụng một mình; phần ma túy còn lại bị cáo K bán cho bị cáo Nguyễn Thanh S với giá 1.500.000 đồng;

Ngày 19/12/2024, bị cáo K tiếp tục mua của bị cáo Đ 2.500.000 đồng ma túy đá, K chiết một ít ma túy sử dụng một mình. Số ma túy còn lại bị cáo K bán 01 gói ma túy có giá 600.000 đồng cho Phạm Kim L và bán 01 gói ma túy cho bị cáo Lê Phong V với giá 2.000.000 đồng. Qua truy xét ngày 19/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập bị cáo K lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra bị cáo K đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang M và Lê Đức N1: Khoảng 10 giờ ngày 10/01/2025, bị cáo Lê Đức N1 đến phòng trọ của bị cáo Nguyễn Thanh B và rủ B cùng mua ma túy sử dụng, B đồng ý. Sau đó, bị cáo N1 gọi cho bị cáo Nguyễn Quang M để trả tiền N1 nợ M 350.000 đồng và rủ M cùng mua ma túy về sử dụng, M đồng ý. Sau đó, bị cáo M đến nhà trọ của B. Tại đây bị cáo N1 đưa số điện thoại của bị cáo Lê Thanh Đ cho bị cáo M để liên lạc mua ma túy, đồng thời đưa cho bị cáo B 500.000 đồng là tiền trả 350.000 đồng cho M và 150.000 đồng tiền góp mua ma túy. Sau khi lấy tiền thì bị cáo M chở bị cáo B đi đến nhà bị cáo Lê Thanh Đ để mua 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Mua ma túy xong quay về phòng trọ chuẩn bị sử dụng thì bị Công an kiểm tra phát hiện thu giữ cùng tang vật vào lúc 11 giờ ngày 10/01/2025.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh S: Vào khoảng tháng 11/2024, bị cáo Nguyễn Thanh S quen biết một người phụ nữ tên L (không rõ lai lịch) tại khu vực ngã 6 thuộc Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và được người này cho chất ma túy mang về sử dụng. Khi có chất ma túy, S nảy sinh ý định mua bán trái phép chất ma túy để có tiền tiêu xài. Sơn đã bán ma túy cho Bùi Anh T2 được 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Vào đầu tháng 11/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.
- Lần 02: Vào giữa tháng 11/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng
- Lần 03: Vào ngày 14/12/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Sau khi bán hết chất ma túy, ngày 18/12/2024, bị cáo S mua 1.500.000 đồng chất ma túy từ bị cáo Võ Thành K, mang về phân chia ra thành 03 gói nhỏ, S đã sử dụng một mình hết 01 gói. Trong ngày 18/12/2024, bị cáo S đã bán cho người thanh niên tên ĩa (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy giá 300.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ ngày 19/12/2024 khi bị cáo S đang trên đường giao ma túy cho người thanh niên tên O (Không rõ lai lịch) 01 gói ma túy giá 400.000 đồng thì bị Công an xã Hòa Phú, huyện Củ Chi phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Đối với Lê Phong V: Sau khi mua của bị cáo Nguyễn Thanh K gói ma túy với giá 2.000.000 đồng, bị cáo V sử dụng một mình nhưng chưa hết, số ma túy trong ông thủy tinh còn lại bị cáo V cất giấu tại góc tường phía sau bên ngoài chốt gác số 02 và 01 gói ma túy cất giấu tại khu vực bồn hoa tại Khu Công nghiệp Đông Nam thuộc ấp 13, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (nay là xã Bình Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/12/2024 bị lực lượng Công an xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh phát hiện thu giữ cùng tang vật.

Thu giữ của Nguyễn Thị Xuân N:

+ 01 gói nylon chứa tinh thể và 01 đoạn ống nhựa chứa chất bột được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 3109/24 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra. Đây là số ma túy người thanh niên tên Tú (không rõ lai lịch nhờ bị can N đi nhận giúp).

+ 01 xe mô tô biển số 53S6-4637, hiệu DAYANG, loại DY100, có số khung DY100A8012520, số máy 150FM8012520. Qua xác minh, xác định chiếc xe trên do bà Đào Thị Q (Sinh năm: 1967; nơi thường trú phường 5, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 380/85 Phạm Văn C, khu phố 2, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký chủ sở hữu vào tháng 01/2000. Đến cuối năm 2000, bà Q đã bán chiếc xe trên cho ông Nguyễn Văn B (Sinh năm: 1974; nơi thường trú: ấp 4, xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh - là ba chồng của bị cáo Nguyễn Thị Xuân N) nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 27/8/2024, khi ông B vừa đi làm về thì bị cáo N mượn xe biển số: 53S6-4637 đi mua sữa cho con, ông Buông đồng ý. Việc bị cáo N sử dụng xe này làm phương tiện đi vận chuyển trái phép chất ma túy thì ông B không biết.

* Thu giữ của bị cáo Lê Minh T:

+ 04 gói nylon chứa tinh thể, 03 gói nylon chứa chất bột và 05 đoạn ống nhựa chứa chất bột được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 3108/24 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra. Đây là ma túy đá do bị cáo Lê Thanh Đ đưa cho bị cáo T cất giữ để mang đi bán cho người khác.

+ 01 điện thoại di động hiệu Poco có số IMEI: 863667052456987/00 (bị cáo T dùng liên lạc mua bán chất ma túy).

+ 01 xe mô tô biển số 61G1-653.17, hiệu Yamha, loại Sirius, có số khung RLCUE3210JY196992, số máy E3X9E459591. Qua xác minh, xác định chiếc xe trên do ông Đặng Thanh G (Sinh năm: 1986; nơi thường trú: ấp D, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Dương) đứng tên đăng ký chủ sở hữu vào năm 2018. Đến năm 2020, ông G đã bán chiếc xe trên cho người (không rõ lai lịch). Bị can T đã mua chiếc xe trên lại của một người (không rõ lai lịch) vào đầu năm 2024 sử dụng làm phương tiện đi bán chất ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện Củ Chi đã ra thông báo tìm chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 61G1-653.17, nhưng đến nay chưa có cá nhân, tổ chức nào đến để giải quyết.

+ 01 ví da, 10 gói nylon không chứa gì (bị cáo Tân dùng phân chia và cất giấu chất ma túy).

* Thu giữ của bị cáo Lê Thanh Đ:

+ 06 gói nylon chứa tinh thể được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 838/2025, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên. Đây là ma túy bị cáo Đ tàng trữ để bán cho người khác.

+ 01 quet gas, 01 gói nylon chứa 01 ống thủy tinh, 05 gói nylon không chứa gì, 01 túi da, 01 cái kéo và 01 cân điện tử (bị cáo Đ dùng phân chia, cất giấu và sử dụng chất ma túy).

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 86900864830238 (của bị cáo Đ dùng liên lạc mua bán chất ma túy).

* Thu của bị cáo Nguyễn Thanh S

+ 01 gói nylon chứa tinh thể được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 193/25 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra. Đây là ma túy bị cáo S tàng trữ để bán cho người khác.

+ 01 xe mô tô biển số 61T1-4798, có số khung VTLBCH023TL001850, số máy VLTZS152FMH00001850. Qua xác minh biển số 61T1-4798, xác định đây là xe mô tô hiệu Fashion, màu đỏ có số khung VTLBCH023TL001850, số máy VLTZS152FMH00001850 do bà Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm: 1980; nơi thường trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương) đứng tên chủ sở hữu năm 2003. Đến năm 2015, bà H đã bán chiếc xe trên cho một người thanh niên (không rõ lai lịch). Vào năm 2024, bị cáo S mua lại chiếc xe trên của một người (không rõ lai lịch) sử dụng làm phương tiện đi mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan CSĐT Công an TP. Hồ Chí Minh đã ra thông báo tìm chủ sở hữu xe mô tô mang biển số: 61T1-4798 nhưng đến nay chưa có cá nhân, tổ chức nào đến để giải quyết.

+ 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 866988040532359 (là điện thoại cá nhân của bị cáo S dùng liên lạc mua bán chất ma túy).

+ Tiền NHNNVN: 220.000 đồng (là tiền bị cáo S bán chất ma túy cho người tên Iạ).

+ 01 bao thuốc lá hiệu Hero không chứa gì (bị cáo S dùng cất giấu chất ma túy).

* Thu của bị cáo Võ Thành K

+ 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 860028041639253 (là điện thoại của bị cáo K dùng liên lạc mua bán chất ma túy).

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (bị cáo K dùng sử dụng chất ma túy).

+ 01 xe mô tô biển số 61B1-07658 có số khung RLCS5C640BY515044, số máy 5C64515050. Qua xác minh biển số 61B1-07658, xác định đây là xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng đen có số khung RLCS5C640BY515044, số máy 5C64515050 do anh Huỳnh Thanh T (Sinh năm: 1983; nơi thường trú: khu phố 10, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương) đứng tên chủ sở hữu năm 2011. Đến năm 2020, ông T đã bán chiếc xe trên cho một người thanh niên (không rõ lai lịch). Vào năm 2024, bị cáo K mua lại chiếc xe trên của một người (không rõ lai lịch) sử dụng làm phương tiện đi mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo tìm chủ sở hữu xe mô tô mang biển số: 61B1-07658 nhưng đến nay chưa có cá nhân, tổ chức nào đến để giải quyết.

* Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh B

+ 01 gói nylon chứa tinh thể được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 838/2025, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên. Đây là ma túy bị cáo B mua của bị cáo Lê Thanh Đ để sử dụng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEI: 355244034994801 (là điện thoại của bị cáo B, không liên quan đến vụ án).

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (dụng cụ B dùng sử dụng chất ma túy).

* Thu của bị cáo Lê Đức N

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 865222044308892 (là điện thoại của bị cáo N1, không liên quan đến vụ án).

+ 01 xe mô tô biển số 59Y2-377.25 có số khung RLHJC4315AY148347, số máy JC43E1398211. Qua xác minh biển số 59Y2-377.25, xác định đây là xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh xám đen có số khung RLHJC4315AY148347, số máy JC43E1398211 do bà Đoàn Thị G (Sinh năm: 1958; nơi thường trú: ấp 1, xã H, huyện C, TP. Hồ Chí Minh- là mẹ vợ của bị cáo N1) đứng tên chủ sở hữu năm 2013. Ngày 10/01/2025, bị cáo N1 có mượn xe đi làm, bà G đồng ý. Việc bị cáo N1 sử dụng xe làm phương tiện đi sử dụng trái phép chất ma túy thì bà G không biết (cơ quan điều tra đã trả cho bà G).

*** Thu của bị cáo Nguyễn Quang M**

+ 01 xe mô tô biển số: 59Y2-362.87, có số khung RLCR55P10DY205469, số máy 55P1205488. Qua xác minh biển số 59Y2-362.87, xác định đây là xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng có số khung RLCR55P10DY205469, số máy 55P1205488 do anh Võ Thành N2 (sinh năm: 1982; nơi thường trú: ấp 1, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu năm 2013. Đến năm 2018, ông N2 đã bán chiếc xe trên cho một người thanh niên (không rõ lai lịch). Vào năm 2019, bị cáo M mua lại chiếc xe trên của một người (không rõ lai lịch) sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo tìm chủ sở hữu xe mô tô mang biển số 59Y2-36287 nhưng đến nay chưa có cá nhân, tổ chức nào đến để giải quyết.

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi có số IMEI: 861450059958012 (là điện thoại của bị cáo M, dùng liên lạc mua chất ma túy).

*** Thu của bị cáo Lê Phong V**

+ 01 ống thủy tinh chứa tinh thể và 01 gói nylon chứa tinh thể được niêm phong trong 01 gói mang số vụ 201/25 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra (là ma túy bị cáo V mua của bị cáo Võ Thành K mục đích để sử dụng).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số IMEI: 355424075713498 (là điện thoại của bị cáo V, không liên quan đến vụ án).

***Tại Kết luận giám định số 10163/KL-KTHS ngày 04/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:**

- Chất bột ký hiệu mẫu m_1 cần giám định là ma túy thể rắn, có khối lượng: 0,1148g, loại Heroine; (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Xuân N);

- Tinh thể ký hiệu mẫu m_2 cần giám định là ma túy thể rắn, có khối lượng: 0,2917g, loại Methamphetamine; (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Xuân N).

***Kết luận giám định số 10162/KL-KTHS ngày 04/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:**

- Tinh thể ký hiệu mẫu m_1 cần giám định là ma túy thể rắn, có khối lượng: 4,7757g, loại Methamphetamine; (thu giữ của bị cáo Lê Minh T);

- Chất bột ký hiệu mẫu m_2 cần giám định là ma túy thể rắn, có khối lượng: 1,1225g, loại Heroin; (thu giữ của bị cáo Lê Minh T);

- Chất bột ký hiệu mẫu m_3 cần giám định là ma túy thể rắn, có khối lượng: 0,8544g, loại Heroin; (thu giữ của bị cáo Lê Minh T).

*** Kết luận giám định số 352/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng kỹ thuật**

hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh xác định:

Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2908g loại Methamphetamine (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh S).

* Kết luận giám định số 360/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh xác định:

Tinh thể được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0228g loại Methamphetamine (thu giữ của bị cáo Lê Phong V);

Tinh thể được ký hiệu mẫu m2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,5877g loại Methamphetamine (thu giữ của bị cáo Lê Phong V).

* Kết luận giám định số 1671/KL-KTHS ngày 17/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh xác định:

Gói 1: Tinh thể được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5680g loại Methamphetamine (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh Bé).

Gói 2: Tinh thể được ký hiệu mẫu m2 cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 4,6381g loại Methamphetamine (thu giữ của bị cáo Lê Thanh Đ).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 306/CTr-VKSCC ngày 30/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử đối với các bị cáo:

- Nguyễn Thị Xuân N đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Lê Thanh Đ đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Lê Minh T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, p, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Nguyễn Thanh S đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Võ Thành K đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Lê Phong V đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang M và Lê Đức N đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Lờ khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ.

Vào lúc 12 giờ 10 phút ngày 27/8/2024, tại đường số 107 đoạn thuộc ấp 11, xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thị Xuân N nhận 0,2917g ma túy loại Methamphetamine; 0,1148g ma túy loại Heroin từ bị cáo Lê Minh T giao cho thanh niên tên T1 (không rõ lai lịch) thì bị bắt quả tang.

Vào lúc 12 giờ 10 phút ngày 27/8/2024, tại đoạn đường Võ Văn Bích thuộc ấp 14, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Minh T tàng trữ 4,7757 g ma túy loại Methamphetamine và 1,9769g ma túy loại Heroine, để nhằm mục đích bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Ngoài ra trước đó, bị cáo T còn bán ma túy cho bị cáo N 01 lần vào 10/8/2024 tại khu vực đồng ruộng thuộc ấp 11, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo T1 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại đường Tỉnh lộ 8 thuộc ấp 10, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thanh S đang tàng trữ 01 gói nylon là chất ma túy, có khối lượng 0,2908g loại Methamphetamine để bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Trước đó, S đã bán ma túy cho đối tượng Bùi Anh T2 được 03 lần, cụ thể như sau: Lần 01: Vào đầu tháng 11/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng; lần 02: Vào giữa tháng 11/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng; lần 03: Vào ngày 14/12/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Đối với bị cáo Võ Thành K: Ngày 18/12/2024, bị cáo K đã bán cho Nguyễn Thanh S 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng; ngày 19/12/2024, bị cáo K bán cho Lê Phong V 01 gói ma túy với giá 2.000.000 đồng và bán cho Phạm Kim L 01 gói ma túy với giá 600.000 đồng. Bị cáo K phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 19/12/2024, tại khu công nghiệp Đông Nam thuộc ấp 13, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Phong V đang tàng trữ 01 ống thủy tinh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0228g loại Methamphetamine và 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,5877g loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang. Tổng khối lượng chất ma túy bị cáo Lê Phong V tàng trữ để sử dụng là 4,6105g loại Methamphetamine.

Vào khoảng 11 giờ ngày 10/01/2025, tại địa chỉ số 262, đường B, ấp 9, xã H, huyện Củ Chi (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo: Nguyễn Thanh B, Lê Đức N1 và Nguyễn Quang M đang tàng trữ 01 gói nylon là chất ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5680g loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/01/2025 tại đường số 183, thuộc ấp 2, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Thanh Đ đang tàng trữ 06 gói nylon là ma túy ở thể rắn có khối lượng 4,6381g loại Methamphetamine để bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Trước đó:

Ngày 27/8/2024, bị cáo Lê Thanh Đ giao cho bị cáo Lê Minh T 4,7757g ma túy loại Methamphetamine và 1,9769g ma túy loại Heroin để bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, trước đó, bị cáo Tân đã giao cho bị cáo Nguyễn Thị Xuân N 0,2917g ma túy loại Methamphetamine và 0,1148g ma túy loại Heroine để bị cáo N giao cho thanh niên tên T1 (không rõ lai lịch).

Bị cáo Lê Thanh Đ đã bán cho Võ Thành K được 02 lần cụ thể:

- Ngày 18/12/2024, bị cáo Đ bán cho bị cáo Võ Thành K 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng.

- Ngày 19/12/2024, bị cáo Đ bán cho bị cáo Võ Thành K 02 gói ma túy với giá 2.500.000 đồng.

- Ngày 10/01/2025, bị cáo Đức bán 01 gói má túy với giá 500.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Quang M và bị cáo Nguyễn Thanh B có khối lượng 0,5680g loại Methamphetamine.

Do đó, tổng khối lượng chất ma túy bị cáo Lê Thanh Đức tàng trữ để bán cho người khác có khối lượng là 15,1748g loại Methamphetamine và 2,0917g loại Heroine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; do đó Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Xuân N phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân N từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Lê Thanh Đ phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ từ 10 (mười) đến 11 (mười một) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm b, p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 09 (chín) đến 10 (mười) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 08 (tám) đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Tuyên bố bị cáo Võ Thành K phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Võ Thành K từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Lê Phong V phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Phong V từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang M và Lê Đức N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mang số vụ 3108/24 có chữ ký niêm

phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 01 gói niêm phong mang số vụ 3109/24 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 02 gói niêm phong mang số vụ 838/2025, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên; 01 gói niêm phong mang số vụ 193/25, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên; 01 gói niêm phong mang số vụ 201/25 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 01 ví da, 10 gói nylon không chứa gì (của bị cáo T); 01 quạt gas, 01 gói nylon chứa 01 ống thủy tinh, 05 gói nylon không chứa gì, 01 túi da, 01 cái kéo, 01 cân điện tử (của bị cáo Đ); 01 bao thuốc lá hiệu Hero không chứa gì (của bị cáo Sơn); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (của bị cáo K); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (của bị cáo B);

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Poco có số IMEI: 863667052456987/00 (của bị cáo Tân); 01 xe mô tô biển số 61G1-653.17, hiệu Yamaha, loại Sirius, có số khung RLCUE3210JY196992, số máy E3X9E459591 (của bị cáo T); 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 86900864830238 (của bị cáo Đ); 01 xe mô tô biển số 61T1-4798, có số khung VTLBCH023TL001850, số máy VLTZS152FMH00001850 (của bị cáo S); 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 866988040532359 (của bị cáo S); Tiền NHNNVN: 220.000 đồng (của bị cáo S); 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 860028041639253 (của bị cáo K); 01 xe mô tô biển số 61B1-07658 có số khung RLCS5C640BY515044, số máy 5C64515050 (của bị cáo K); 01 xe mô tô biển số: 59Y2-362.87, có số khung RLCR55P10DY205469, số máy 55P1205488 (của bị cáo M); 01 điện thoại di động hiệu Redmi có số IMEI: 861450059958012 (của bị cáo M).

- Trả lại: 01 xe mô tô biển số 53S6-4637, hiệu DAYANG, loại DY100, có số khung DY100A8012520, số máy 150FM8012520 cho ông Nguyễn Văn B; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEI: 355244034994801 cho bị cáo Nguyễn Văn B; 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 865222044308892 cho bị cáo Lê Đức N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số IMEI: 355424075713498 cho bị cáo Lê Phong V.

Tại toà, các bị cáo không tranh luận, không tự bào chữa.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ có tại hồ sơ:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Xuân N: Vào lúc 12 giờ 10 phút ngày 27/8/2024, tại đường số 107 đoạn thuộc ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thị Xuân N nhận 0,2917g ma túy loại Methamphetamine và 0,1148g ma túy loại Heroin từ bị cáo Lê Minh T để mang đi giao cho thanh niên tên T1 (không rõ lai lịch) lấy tiền công, trên đường giao ma túy nhưng chưa giao được cho tên Tú thì bị bắt quả tang.

- Đối với bị cáo Lê Minh T: Vào lúc 12 giờ 10 phút, ngày 27/8/2024, tại đoạn đường Võ Văn Bích thuộc ấp 14, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Minh T tàng trữ 4,7757g ma túy loại Methamphetamine và 1,9769g ma túy loại Heroine, để nhằm mục đích bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Ngoài ra trước đó, bị cáo T còn bán ma túy cho bị cáo N 01 lần vào 10/8/2024 tại khu vực đồng ruộng thuộc ấp 11, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh S: Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại đường Tỉnh lộ 8 thuộc ấp 10, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thanh S đang tàng trữ 01 gói nylon là chất ma túy, có khối lượng 0,2908g loại Methamphetamine để bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Trước đó, bị cáo S đã bán ma túy cho đối tượng Bùi Anh T2 được 03 lần, cụ thể như sau: Lần 01: Vào đầu tháng 11/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng; lần 02: Vào giữa tháng 11/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng; lần 03: Vào ngày 14/12/2024, bán 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng và ngày 18/12/2024 bán cho tên Iả (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 gói ma túy 300.000 đồng.

- Đối với bị cáo Võ Thành K: Vào ngày 18/12/2024, bị cáo K đã bán cho bị cáo Nguyễn Thanh S 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng; ngày 19/12/2024, bị cáo K bán cho bị cáo Lê Phong V 01 gói ma túy với giá 2.000.000 đồng và bán cho đối tượng Phạm Kim L 01 gói ma túy với giá 600.000 đồng.

- Đối với bị cáo Lê Phong V: Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 19/12/2024, tại khu công nghiệp Đông Nam thuộc ấp 13, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Phong V đang tàng trữ 01 ống thủy tinh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0228g loại Methamphetamine và 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,5877g loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang. Tổng khối lượng chất ma túy bị cáo Lê Phong V tàng trữ để sử dụng là 4,6105g loại Methamphetamine.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh B, Lê Đức N và Nguyễn Quang M: Vào khoảng 11 giờ ngày 10/01/2025, tại địa chỉ số 262, đường B, ấp 9, xã H, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo: Nguyễn Thanh B, Lê Đức N và Nguyễn Quang M đang tàng trữ 01 gói nylon là chất ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5680g loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang.

- Đối với bị cáo Lê Thanh Đ: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/01/2025 tại đường số 183, thuộc ấp 2, xã B, huyện C (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Thanh Đ đang tàng trữ 06 gói nylon là ma túy ở thể rắn có khối lượng

4,6381g loại Methamphetamine để bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Đồng thời, trước đó:

+ Ngày 27/8/2024, Lê Thanh Đ giao cho bị cáo Lê Minh T 4,7757g ma túy loại Methamphetamine và 1,9769g ma túy loại Heroin để bán cho người khác thì bị bắt quả tang, Trước đó, bị cáo T cũng đã giao cho bị cáo Nguyễn Thị Xuân N 0,2917g ma túy loại Methamphetamine và 0,1148g ma túy loại Heroine để bị cáo N giao cho thanh niên tên T1 (không rõ lai lịch), đây cũng là ma túy bị cáo Đ giao cho bị cáo T để T giao cho N.

+ Bị cáo Lê Thanh Đ đã bán cho bị cáo Võ Thành K được 02 lần cụ thể: Ngày 18/12/2024, bị cáo Đ bán cho bị cáo K 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng; ngày 19/12/2024, bị cáo Đ bán cho bị cáo K 02 gói ma túy với giá 2.500.000 đồng.

+ Ngày 10/01/2025, bị cáo Đ cho bán bị cáo Nguyễn Quang M và bị cáo Nguyễn Thanh B 01 gói má túy với giá 500.000 đồng có khối lượng 0,5680g loại Methamphetamine.

Do đó, khối lượng chất ma túy mà bị cáo Đ tàng trữ để bán cho người khác có khối lượng tổng cộng là 15,1748g loại Methamphetamine và 2,0917g loại Heroin (là tổng khối lượng chất ma túy thu giữ quả tang của các bị cáo: T, S, N, V, B, N và M).

Bằng hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Bị cáo Nguyễn Thị Xuân N đã phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Lê Thanh Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Lê Minh T có 01 tiền án về tội “rất nghiêm trọng” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội “rất nghiêm trọng” nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, p, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Võ Thành K có 01 tiền án về tội “rất nghiêm trọng” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội “rất nghiêm trọng” nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, bị cáo Võ Thành K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Lê Phong V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang M và Lê Đức N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm các hoạt động đúng đắn của Nhà nước trong quản lý và sử dụng chất ma túy, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận xấu trong nhân dân. Các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ, vận chuyển và mua bán trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì mục đích tư lợi và mong muốn có tiền để mãn cơn nghiện mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tại địa phương, tình hình an ninh trật tự xã hội và nhiều hệ lụy liên quan các tội phạm ma túy ngày càng phức tạp; do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm phù hợp, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Tuy nhiên, cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Các bị cáo Lê Thanh Đ, Lê Minh T, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thanh S, Võ Thành K, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang M và Lê Đức N không có tình tiết tăng nặng.

- Bị cáo Lê Phong V bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình tố tụng vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo Lê Thanh Đ, Lê Minh T, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thanh S, Võ Thành K, Lê Phong V, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang M và Lê Đức N tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là phù hợp.

[5] Về nhân thân:

- Đối với bị cáo N, B, Q, M: Chưa có tiền án, tiền sự.
- Đối với bị cáo Đ, S, K, V, T: Có nhân thân xấu như phần lý lịch đã nêu.

[6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự; xét thấy các bị cáo không có việc làm và không có việc làm và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 gói niêm phong mang số vụ 3108/24 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 01 gói niêm phong mang số vụ 3109/24 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 02 gói niêm phong mang số vụ 838/2025, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên; 01 gói niêm phong mang số vụ 193/25, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên; 01 gói niêm phong mang số vụ 201/25 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 01 ví da, 10 gói nylon không chứa gì (của bị cáo T); 01 quẹt gas, 01 gói nylon chứa 01 ống thủy tinh, 05 gói nylon không chứa gì, 01 túi da, 01 cái kéo, 01 cân điện tử (của bị cáo Đ); 01 bao thuốc lá hiệu Hero

không chứa gì (của bị cáo S); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (của bị cáo K); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (của bị cáo B); xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Poco có số IMEI: 863667052456987/00 (của bị cáo Tân); 01 xe mô tô biển số 61G1-653.17, hiệu Yamaha, loại Sirius, có số khung RLCUE3210JY196992, số máy E3X9E459591 (của bị cáo T); 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 86900864830238 (của bị cáo Đ); 01 xe mô tô biển số 61T1-4798, có số khung VTLBCH023TL001850, số máy VLTZS152FMH00001850 (của bị cáo S); 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 866988040532359 (của bị cáo S); Tiền NHNNVN: 220.000 đồng (của bị cáo S); 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 860028041639253 (của bị cáo K); 01 xe mô tô biển số 61B1-07658 có số khung RLCS5C640BY515044, số máy 5C64515050 (của bị cáo K); 01 xe mô tô biển số: 59Y2-362.87, có số khung RLCR55P10DY205469, số máy 55P1205488 (của bị cáo M); 01 điện thoại di động hiệu Redmi có số IMEI: 861450059958012 (của bị cáo M); là công cụ phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với: 01 xe mô tô biển số 53S6-4637, hiệu DAYANG, loại DY100, có số khung DY100A8012520, số máy 150FM8012520; xét thấy cần trả lại cho cho ông Nguyễn Văn B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEI: 355244034994801, 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 865222044308892, 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số IMEI: 355424075713498; không liên quan hành vi phạm tội, xét thấy cần trả lại cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Đức N và Lê Phong V là phù hợp.

[8] Đối với đối tượng tên Quang Đ1 và Đ1 (chưa rõ lai lịch) bán ma túy cho bị cáo Lê Thanh Đ, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể; Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ sẽ xử lý sau; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

Đối với Bùi Anh T2 mua ma túy của Nguyễn Thanh S để sử dụng và Phạm Kim L là người mua ma túy của Võ Thành K để sử dụng; Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã chuyển xử lý theo thẩm quyền; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

Đối với thanh niên tên ĩa và người thanh niên tên O (không rõ lai lịch) mua ma túy của Nguyễn Thanh S. Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

Đối với thuê bao số điện thoại 0393950503, 0967661373: Ngày 19/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Củ Chi ra Công văn số 2571/CSĐT-MT gửi đến Ban thanh tra – Kiểm toán Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội về việc cung cấp họ tên, địa chỉ người đăng ký thuê bao số điện thoại 0393950503 và 0967661373 nhưng chưa có kết quả trả lời. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[9] Xét cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo: Lê Thanh Đ, Lê Minh T, Nguyễn Thanh S, Võ Thành K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Xuân N phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”;

Tuyên bố các bị cáo: Lê Phong V, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang M và Lê Đức N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[1.1] Áp dụng điểm điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2025.

[1.2] Áp dụng điểm b, p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Minh T 10 (mười năm) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2024.

[1.3] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2024.

[1.4] Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Võ Thành K 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2024.

[1.5] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2024 đến 05/9/2024).

[1.6] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Phong V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2024.

[1.7] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2025.

[1.8] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2025.

[1.9] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Đức N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2025.

[2] Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 gói niêm phong mang số vụ 3108/24 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 01 gói niêm phong mang số vụ 3109/24 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 02 gói niêm phong mang số vụ 838/2025, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên; 01 gói niêm phong mang số vụ 193/25, có chữ ký niêm phong của Cán bộ điều tra và Giám định viên; 01 gói niêm phong mang số vụ 201/25 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; 01 ví da, 10 gói nylon không chứa gì; 01 quạt gas, 01 gói nylon chứa 01 ống thủy tinh, 05 gói nylon không chứa gì, 01 túi da, 01 cái kéo, 01 cân điện tử; 01 bao thuốc lá hiệu Hero không chứa gì; 01

bộ dụng cụ sử dụng ma túy (của bị cáo K); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (của bị cáo B).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Poco có số IMEI: 863667052456987/00; 01 xe mô tô biển số 61G1-653.17, có số khung RLCUE3210JY196992, số máy E3X9E459591; 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 86900864830238; 01 xe mô tô biển số 61T1-4798, có số khung VTLBCH023TL001850, số máy VLTZS152FMH00001850; 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 866988040532359; Tiền NHNNVN: 220.000 đồng; 01 điện thoại di động Oppo có số IMEI: 860028041639253; 01 xe mô tô biển số 61B1-07658 có số khung RLCS5C640BY515044, số máy 5C64515050; 01 xe mô tô biển số: 59Y2-362.87, có số khung RLCR55P10DY205469, số máy 55P1205488; 01 điện thoại di động hiệu Redmi có số IMEI: 861450059958012.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn B 01 xe mô tô biển số 53S6-4637, có số khung DY100A8012520, số máy 150FM8012520.

- Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEI: 355244034994801 cho bị cáo Nguyễn Văn B, 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số IMEI: 865222044308892 cho bị cáo Lê Đức N1 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số IMEI: 355424075713498 cho bị cáo Lê Phong V.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo: Lệnh nhập kho vật chứng số 1426/LNK-ĐCSMT ngày 23/9/2024 + Phiếu nhập kho vật chứng số 22/PNK ngày 19/12/2024; Lệnh nhập kho vật chứng số 318/LNK-ĐCSMT ngày 12/02/2025 + Phiếu nhập kho vật chứng số 92/PNK ngày 14/02/2025; Lệnh nhập kho vật chứng số 320/LNK-ĐTTH ngày 12/02/2025 + Phiếu nhập kho vật chứng số 93/PNK ngày 14/02/2025; Lệnh nhập kho vật chứng số 321/LNK-ĐCSMT ngày 12/02/2025 + Phiếu nhập kho vật chứng số 95/PNK ngày 14/02/2025; Lệnh nhập kho vật chứng số 319/LNK-ĐCSMT ngày 12/02/2025 + Lệnh thanh toán tiền mặt ngày 14/02/2025; của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi).

[3] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Luật phí, Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Phòng PC 27;
- Bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan